

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/02/2023
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Thảo
2. Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 510/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (Có mặt)

HKTT: Tổ X, ấp V, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Hiện cư trú: Ấp Q, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ L, sinh năm 1989 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ X, ấp V, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 18/7/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông L do quen biết tự tìm hiểu được sự đồng ý của cha mẹ hai bên tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang ngày 20/02/2017. Sau khi kết hôn ông bà về sống chung bên gia đình ông L, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh nhiều bất đồng ý kiến về quan điểm sống, về tình cảm dẫn đến cả hai không thể hoà hợp và sống chung với nhau được nữa. Đến tháng 6 năm 2021 bà về nhà cha mẹ ruột sống, nên giữa

bà và ông L ly thân từ thời gian đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể nào hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 17/12/2013. Tại đơn khởi kiện ngày 18/7/2022 bà trình bày hiện con chung đang sống với bà, sau ly hôn, bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Đến ngày 06/12/2022, tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải bà xác định lại yêu cầu khởi kiện về con chung: Sau khi ly hôn, tùy ý con muốn sống với ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng.

- Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Tờ tự khai và xin xét xử vắng mặt ngày 14/02/2023, bị đơn – ông Nguyễn Vũ L trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất như trình bày của bà T về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian ly thân của vợ chồng. Trong quá trình ly thân ông có níu kéo hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T không đồng ý và gửi đơn ra Tòa vì vậy nay trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông cũng đồng ý ly hôn; Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 17/12/2013. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Có mặt.

- Bị đơn: Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Vũ L do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Vũ L có nơi cư trú tại ấp V, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông L vắng mặt. Tuy nhiên, ông L đã có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1

Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà T và ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình chung sống giữa bà T và ông L xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà T và ông L nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, về tình cảm dẫn đến cả hai không thể hoà hợp và sống chung với nhau, ông bà đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông L cũng đồng ý ly hôn. Từ nội dung nêu trên, xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà T và ông L lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai vì trong thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, bà T được ly hôn với ông L.

2.2 Về con chung: Giữa bà T và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 17/12/2013, hiện đang sống với ông L. Sau khi ly hôn ông L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con được bà T đồng ý. Ngoài ra, tại Tờ ghi ý kiến của con ngày 14/02/2023 cháu K có nguyện vọng sống với ba là ông L sau khi ba mẹ ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao con chung là cháu K cho ông L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông L phải tạo điều kiện cho bà T trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do ông L không yêu cầu nên bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà T và ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà T là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà T và ông L có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Vũ L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 17/12/2013 cho ông Nguyễn Vũ L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Ông L phải tạo điều kiện cho bà T trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do ông L không yêu cầu nên bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003908 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Vũ L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Trinh